Chi tiết mã HS 8473.21.00

Mã HS	8473.21.00
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72 / - Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.70: / - - Của máy tính điện tử thuộc phân nhóm 8470.10.00, 8470.21.00 hoặc 8470.29.00
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:36:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84732100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14360
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14360
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14360
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13704
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13645
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13645
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13645
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13645
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13645
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13645
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13699
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13699
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13699

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13699
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13699
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13699
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13700
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13700
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13700
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13700
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13700
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13700
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13703
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13651
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13659
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13659
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13659
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13659
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13659
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13659
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13690
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13690
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13690
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13690
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13690
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13690
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13739
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13739
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13739

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13739
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13739
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13739
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13722
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13722
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13722
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13722
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13722
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13722
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13722
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13722
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13722
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13722
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13722
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13722
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13737
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13737
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13737
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13737
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13737
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13737
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13736
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13736
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13736
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13736
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13736

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13736
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13716
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13716
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13716
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13716
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13716
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13716
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13716
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13724
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13724
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13724
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13724
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13724
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13724
RCEP B	2022	2022	0	B!D13724
RCEP B	2023	2023	0	B!E13724
RCEP B	2024	2024	0	B!F13724
RCEP B	2025	2025	0	B!G13724
RCEP B	2026	2026	0	B!H13724
RCEP B	2027	2027	0	B!I13724
RCEP C	2022	2022	0	C!D13724
RCEP C	2023	2023	0	C!E13724
RCEP C	2024	2024	0	C!F13724
RCEP C	2025	2025	0	C!G13724
RCEP C	2026	2026	0	C!H13724
RCEP C	2027	2027	0	C!I13724

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13723
RCEP D	2023	2023	0	D!E13723
RCEP D	2024	2024	0	D!F13723
RCEP D	2025	2025	0	D!G13723
RCEP D	2026	2026	0	D!H13723
RCEP D	2027	2027	0	D!I13723
RCEP E	2022	2022	0	E!D13727
RCEP E	2023	2023	0	E!E13727
RCEP E	2024	2024	0	E!F13727
RCEP E	2025	2025	0	E!G13727
RCEP E	2026	2026	0	E!H13727
RCEP E	2027	2027	0	E!I13727
RCEP F	2022	2022	0	F!D13724
RCEP F	2023	2023	0	F!E13724
RCEP F	2024	2024	0	F!F13724
RCEP F	2025	2025	0	F!G13724
RCEP F	2026	2026	0	F!H13724
RCEP F	2027	2027	0	F!I13724
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12739
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12739
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12739
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12739

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8473.21.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8473.21.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14360), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.